

Số: 1206/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh
khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3) và các khóa cũ thi lại
Kỳ thi tháng 11/2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-LTT-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3) và các khóa cũ thi lại Năm học 2017 -2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3) và các khóa cũ thi lại ngày 18 tháng 10 năm 2018;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 226 học sinh khóa 16 TC (9+3), 16 TCN (9+3) và các khóa cũ đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 16 TC (9+3): 44 học sinh

2. Khóa 16 TCN (9+3): 151 học sinh

2. Khóa cũ thi lại: 31 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện theo đúng lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Các học sinh còn nợ các khoản phí được dự thi tốt nghiệp các môn văn hóa. Học sinh không hoàn tất các khoản phí còn nợ sẽ không được công nhận kết quả thi tốt nghiệp các môn văn hóa.

Điều 4. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *lưu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Đệ
Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH HỌC SINH
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 2016, TRUNG CẤP NGHỀ KHÓA 2016
ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 11/2018

(Kèm theo Quyết định số: 1206/QĐ-LTT-ĐT ngày 31 tháng 10 năm 2018
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	16000129	Lê Ngọc	Hào	Nữ	23/06/2000	16TC-MTT	
2	16001548	Võ Quang	Huy	Nam	7/3/2001	16TC-MTT	
3	16000120	Hứa Lê Kim	Ngân	Nữ	21/10/2001	16TC-MTT	
4	16000494	Huỳnh Mai Kim	Ngọc	Nữ	14/11/2001	16TC-MTT	
5	16000281	Lê Tâm	Như	Nữ	13/12/2001	16TC-MTT	
6	16001821	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	Nữ	5/4/1998	16TC-MTT	
7	16000223	Nguyễn Vũ Trúc	Quân	Nữ	17/02/2000	16TC-MTT	
8	16000112	Vũ Thị Thanh	Thảo	Nữ	9/11/2000	16TC-MTT	
9	16000519	Trần Huỳnh Minh	Thư	Nữ	5/3/2001	16TC-MTT	
10	16003845	Vương Minh	Thư	Nữ	8/2/2000	16TC-MTT	
11	16000655	Nguyễn Thị Minh	Thuận	Nữ	6/5/2001	16TC-MTT	
12	16000326	Nguyễn Quỳnh Nghinh Thy		Nữ	2/12/2001	16TC-MTT	Học phí Học kỳ 1/2018-2019, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2019-31/12/2019), Giấy thi, giấy nhập, Khám sức khỏe, Thư viện,
13	16001307	Vũ Ngọc	Trinh	Nữ	13/02/2001	16TC-MTT	
14	16000515	Lê Thị Bé	Vân	Nữ	18/07/2001	16TC-MTT	
15	16000433	Lê Tường	Vy	Nữ	8/10/2001	16TC-MTT	
16	16000306	Nguyễn Đình Quốc	Ân	Nam	12/10/2001	16TCN-CKL	
17	16000097	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	17/07/2001	16TCN-CKL	
18	16000091	Huỳnh Minh	Chiến	Nam	21/12/2001	16TCN-CKL	
19	16000181	Lê Văn	Chung	Nam	24/03/2001	16TCN-CKL	
20	16002687	Bùi Tiến	Đạt	Nam	8/3/2000	16TCN-CKL	
21	16000141	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	20/02/1998	16TCN-CKL	
22	16000578	Phan Thế	Hòa	Nam	21/10/2000	16TCN-CKL	
23	16000089	Trần Việt	Hoàng	Nam	24/05/2001	16TCN-CKL	
24	16000229	Phan Lâm	Huy	Nam	20/01/2001	16TCN-CKL	
25	16000591	Trần Đăng	Khoa	Nam	8/2/1999	16TCN-CKL	
26	16000377	Nguyễn Văn	Lai	Nam	28/10/2001	16TCN-CKL	



STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
27	16000353	Huỳnh Hà	Lâm	Nam	20/07/2001	16TCN-CKL	
28	16000382	Lý Phát	Lộc	Nữ	26/02/2001	16TCN-CKL	Học phí Học kỳ 1/2018-2019, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2019-31/12/2019), Giấy thi, giấy nhập, Khám sức khỏe, Thư viện,
29	16002169	Nguyễn Xuân Tài	Lộc	Nam	12/12/1998	16TCN-CKL	
30	16000471	Dương Vĩ	Nghiệp	Nam	14/12/2001	16TCN-CKL	
31	16000398	Châu Kim	Phước	Nam	9/6/1998	16TCN-CKL	
32	16000078	Phạm Minh	Sĩ	Nam	16/12/2000	16TCN-CKL	
33	16000513	Phan Lâm	Tân	Nam	9/4/2001	16TCN-CKL	
34	16002587	Nguyễn Tân	Tiến	Nam	1/4/2001	16TCN-CKL	
35	16000472	Vũ Hoàng	Tiến	Nam	1/5/2001	16TCN-CKL	
36	16000246	Vũ Minh	Tiến	Nam	5/12/2001	16TCN-CKL	
37	16000965	Nguyễn Đức	Trình	Nam	10/1/2000	16TCN-CKL	
38	16001852	Nguyễn Văn Quốc	Việt	Nam	6/3/2000	16TCN-CKL	
39	16000423	Huỳnh Quốc	Ân	Nam	21/08/2001	16TCN-Đ	
40	16000455	Phạm Tuấn	Anh	Nam	23/01/2001	16TCN-Đ	
41	16000555	Huỳnh Trí	Đại	Nam	23/09/2001	16TCN-Đ	
42	16000098	Võ Minh	Đạt	Nam	26/03/2001	16TCN-Đ	
43	16000454	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	22/10/2001	16TCN-Đ	
44	16003887	Hoàng Phước Ngọc	Duy	Nam	22/10/2000	16TCN-Đ	
45	16002893	Nguyễn Văn	Hoài	Nam	15/03/1998	16TCN-Đ	
46	16000991	Thiều Lê	Huy	Nam	3/1/2000	16TCN-Đ	
47	16003786	Vũ Đăng	Khoa	Nam	26/08/1999	16TCN-Đ	
48	16000535	Nguyễn Hoàng Huy	Long	Nam	4/3/2000	16TCN-Đ	
49	16000002	Thân Tấn	Phát	Nam	29/12/2001	16TCN-Đ	
50	16000595	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	5/10/2001	16TCN-Đ	
51	16000656	Hồ Lê Kim	Tân	Nam	23/05/2001	16TCN-Đ	
52	16001213	Tô Đình	Trí	Nam	29/12/1996	16TCN-Đ	
53	16000084	Bùi Trần Minh	Trị	Nam	15/01/2001	16TCN-Đ	
54	16003607	Đồng Minh	Tuấn	Nam	26/02/1992	16TCN-Đ	
55	16001070	Trần Ngọc	Hiển	Nam	21/11/2001	16TCN-ĐT	
56	16000007	Mai Minh	Hiếu	Nam	15/10/2001	16TCN-ĐT	
57	16000440	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	1/12/2001	16TCN-ĐT	
58	16000213	Nguyễn Hòa	Hợp	Nam	5/2/1998	16TCN-ĐT	
59	16000345	Hoàng Anh	Kỳ	Nam	12/10/2001	16TCN-ĐT	

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
60	16000370	Cao Ngọc	Long	Nam	31/03/2001	16TCN-ĐT	
61	16000339	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	26/06/2001	16TCN-ĐT	
62	16000069	Nguyễn Dương Thế	Sơn	Nam	23/02/2000	16TCN-ĐT	
63	16000061	Võ Xuân	Thái	Nam	26/12/2001	16TCN-ĐT	
64	16000430	Phạm Quốc	Thắng	Nam	26/11/2001	16TCN-ĐT	
65	16000067	Lê Minh	Thông	Nam	9/12/2001	16TCN-ĐT	
66	16000145	Bùi Quốc	Tuấn	Nam	15/02/2000	16TCN-ĐT	
67	16000615	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	25/05/2001	16TCN-ĐT	
68	16000225	Phan Anh	Vũ	Nam	25/10/2000	16TCN-ĐT	
69	16000194	Vũ Hồng Nhật	Hạ	Nữ	6/5/2001	16TCN-KTD	
70	16001001	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền	Nữ	13/12/2001	16TCN-KTD	
71	16000266	Võ Thúy	Kiều	Nữ	10/1/2001	16TCN-KTD	
72	16000397	Hồ Trần Ngọc	Mi	Nữ	12/3/2001	16TCN-KTD	
73	16000368	Trần Thúy	Ngân	Nữ	16/08/2001	16TCN-KTD	Học phí Học kỳ 1/2018-2019, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2019-31/12/2019), Giấy thi, giấy nhập, Khám sức khỏe, Thư viện,
74	16000154	Đỗ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	26/05/2001	16TCN-KTD	
75	16001599	Lê Minh	Thư	Nữ	9/9/2001	16TCN-KTD	
76	16000340	Phạm Huỳnh Xuân	Thư	Nữ	15/01/2001	16TCN-KTD	
77	16003779	Nguyễn Thanh Mỹ	Tiên	Nữ	26/03/2000	16TCN-KTD	
78	16000401	Bùi Thị	Trâm	Nữ	1/8/2001	16TCN-KTD	
79	16003347	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	2/11/2000	16TCN-KTD	
80	16003315	Đỗ Khánh	Vy	Nữ	4/5/2001	16TCN-KTD	
81	16000153	Vũ Ngọc Thụy	Vy	Nữ	30/06/2001	16TCN-KTD	
82	16000386	Huỳnh Thị Ngân	Xuyên	Nữ	16/11/2001	16TCN-KTD	
83	16000257	Lê Hoàng Hải	Anh	Nam	13/12/1999	16TCN-LĐL1	
84	16000297	Vũ Hoàng Hải	Anh	Nam	10/5/2001	16TCN-LĐL1	
85	16001690	Nguyễn Thành	Danh	Nam	7/7/2001	16TCN-LĐL1	
86	16000143	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	Nam	19/01/2001	16TCN-LĐL1	
87	16000090	Hoàng Bảo	Khang	Nam	20/05/2001	16TCN-LĐL1	
88	16000164	Nguyễn Quang	Lợi	Nam	26/12/2001	16TCN-LĐL1	
89	16000679	Hoàng Đình	Long	Nam	7/7/2001	16TCN-LĐL1	
90	16003871	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	18/03/2000	16TCN-LĐL1	
91	16000156	Trần Minh	Mẫn	Nam	2/7/1997	16TCN-LĐL1	
92	16003520	Nguyễn Gia Quốc	Mạnh	Nam	1/10/2000	16TCN-LĐL1	

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
93	16000106	Nguyễn Xuân Phú	Nam	22/03/2001	16TCN-LĐL1	
94	16000124	Nguyễn Hoàng Tâm	Nam	3/11/2001	16TCN-LĐL1	
95	16001192	Nguyễn Lê Hùng Thuận	Nam	21/01/2001	16TCN-LĐL1	
96	16000017	Đỗ Minh Trung	Nam	19/08/2001	16TCN-LĐL1	
97	16000365	Nguyễn Quang Trung	Nam	24/11/2001	16TCN-LĐL1	
98	16003895	Đinh Mạnh Tuấn	Nam	17/03/2001	16TCN-LĐL1	
99	16000630	Nguyễn Lê Phương Vũ	Nam	20/06/2000	16TCN-LĐL1	
100	16000544	Nguyễn Thiên Bảo	Nam	15/04/2001	16TCN-Ô1	
101	16000269	Nguyễn Xuân Đạt	Nam	27/12/2001	16TCN-Ô1	
102	16001678	Nguyễn Trung Hậu	Nam	20/07/2000	16TCN-Ô1	
103	16000170	Lê Thanh Hòa	Nam	15/06/2000	16TCN-Ô1	
104	16001803	Nguyễn Kế Kha	Nam	19/06/2001	16TCN-Ô1	
105	16000208	Phạm Tiến Trung Kiên	Nam	23/12/2001	16TCN-Ô1	
106	16003691	Trần Quang Linh	Nam	10/12/2001	16TCN-Ô1	
107	16000654	Võ Phú Lộc	Nam	27/02/1996	16TCN-Ô1	
108	16000301	Trương Văn Nhựt	Nam	12/10/2001	16TCN-Ô1	
109	16003849	Lại Thế Quyền	Nam	18/07/1994	16TCN-Ô1	
110	16000857	Huỳnh Phú Sĩ	Nam	21/10/1996	16TCN-Ô1	Công nợ học lại,
111	16000505	Lại Công Tài	Nam	27/08/2001	16TCN-Ô1	
112	16000562	Nguyễn Tấn Tài	Nam	20/05/2000	16TCN-Ô1	
113	16001815	Đinh Quý Thanh	Nam	5/7/2001	16TCN-Ô1	
114	16000138	Phạm Xuân Thao	Nam	22/09/2001	16TCN-Ô1	
115	16000176	Lê Nguyễn Trường Thịnh	Nam	14/06/2001	16TCN-Ô1	
116	16000323	Huỳnh Vũ Tiến	Nam	7/3/1997	16TCN-Ô1	
117	16000657	Võ Chí Lâm Trường	Nam	13/04/1999	16TCN-Ô1	
118	16000828	Phạm Anh Tỷ	Nam	27/09/2001	16TCN-Ô1	
119	16003035	Trương Quế Anh	Nữ	29/03/2001	16TCN-QTD	
120	16000319	Đoàn Lê Ngọc Ánh	Nữ	15/12/2001	16TCN-QTD	
121	16000790	Lê Minh Cảnh	Nam	19/06/1998	16TCN-QTD	
122	16002461	Mộng Thủy Dương	Nữ	21/12/2001	16TCN-QTD	
123	16000315	Trần Tường Duy	Nữ	4/2/2001	16TCN-QTD	
124	16000172	Ngô Thị Mỹ Hạnh	Nữ	2/9/2001	16TCN-QTD	
125	16003746	Trần Thị Mai Hương	Nữ	26/02/2001	16TCN-QTD	
126	16000316	Đoàn Thị Thanh Huyền	Nữ	26/09/2001	16TCN-QTD	

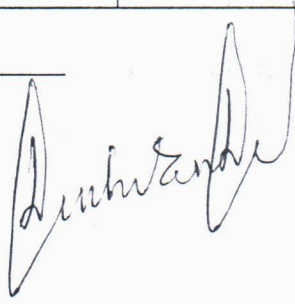
STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
127	16003114	Bùi Huỳnh Nguyên	Khải	Nam	6/4/1998	16TCN-QTD	Học phí Học kỳ 1/2018-2019, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2019-31/12/2019), Giấy thi, giấy nháp, Khám sức khỏe, Thư viện,
128	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nhật	Nam	15/11/2000	16TCN-QTD	
129	16000479	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	24/05/1999	16TCN-QTD	
130	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	Nữ	23/09/2001	16TCN-QTD	
131	16001046	Châu Phú	Phát	Nam	17/05/2000	16TCN-QTD	
132	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	Nữ	30/01/2001	16TCN-QTD	
133	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	8/3/2001	16TCN-QTD	
134	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	2/7/2001	16TCN-QTD	
135	16000272	Nguyễn Diệu	Thảo	Nữ	20/06/2001	16TCN-QTD	Học phí Học kỳ 1/2018-2019, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2019-31/12/2019), Giấy thi, giấy nháp, Khám sức khỏe, Thư viện,
136	16001756	Hồ Hoàng Đăng	Thị	Nữ	26/06/2001	16TCN-QTD	
137	16000044	Tổng Thị Thanh	Thủy	Nữ	15/01/2001	16TCN-QTD	
138	16000369	Phạm Ngọc Bích	Trâm	Nữ	7/10/2001	16TCN-QTD	
139	16003812	Nguyễn Văn Hoài	An	Nam	21/07/2001	16TCN-QTM1	
140	16000160	Trần Chí	Bảo	Nam	12/10/2001	16TCN-QTM1	
141	16000026	Dương Gia	Chiêu	Nam	4/12/2001	16TCN-QTM1	
142	16000647	Nguyễn Hoàng Quốc	Đạt	Nam	1/4/2001	16TCN-QTM1	
143	16000634	Trần Thị Ánh	Giàu	Nữ	9/1/2001	16TCN-QTM1	
144	16000292	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	24/11/2001	16TCN-QTM1	
145	16000183	Nguyễn Hoằng	Hùng	Nam	23/08/2001	16TCN-QTM1	
146	16000506	Trần Quốc	Hưng	Nam	29/10/2001	16TCN-QTM1	
147	16000295	Nguyễn Lê Anh	Khoa	Nam	15/10/2001	16TCN-QTM1	
148	16002938	Lầu Quay	Kin	Nam	1/11/2000	16TCN-QTM1	
149	16000299	Nguyễn Thanh	Long	Nam	4/12/2000	16TCN-QTM1	
150	16001496	Lê Minh	Luân	Nam	20/09/2001	16TCN-QTM1	
151	16000496	Nguyễn Hoàng	Mạnh	Nam	22/07/2000	16TCN-QTM1	
152	16000331	Lê Quang	Minh	Nam	23/07/2000	16TCN-QTM1	
153	16000329	Lê Bắc	Nam	Nam	13/03/2001	16TCN-QTM1	
154	16000667	Bùi Hữu	Nghĩa	Nam	21/07/2001	16TCN-QTM1	
155	16002342	Lê Trọng	Nghĩa	Nam	18/10/2001	16TCN-QTM1	
156	16000268	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	Nam	28/02/2001	16TCN-QTM1	
157	16000951	Đồng Xuân	Oánh	Nam	12/4/2001	16TCN-QTM1	



STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
158	16000447	Nguyễn Lê Ái	Phúc	Nữ	28/08/2001	16TCN-QTM1	
159	16000054	Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	10/5/2001	16TCN-QTM1	
160	16000581	Nguyễn Cao Đức	Tài	Nam	5/3/2000	16TCN-QTM1	
161	16000240	Vũ Tấn	Tài	Nam	24/06/1997	16TCN-QTM1	
162	16000158	Nguyễn Tiến	Thiên	Nam	27/04/2001	16TCN-QTM1	
163	16000057	Lại Minh	Trí	Nam	18/09/2001	16TCN-QTM1	
164	16000507	Phạm Trung	Trọng	Nam	31/08/2000	16TCN-QTM1	
165	16001823	Lã Minh	Trường	Nam	4/8/2000	16TCN-QTM1	
166	16000165	Nguyễn Trường	Tú	Nam	15/03/2001	16TCN-QTM1	
167	16003427	Vũ Tuấn	Anh	Nam	15/07/2000	16TC-Ô1	
168	16000532	Lê Công	Hậu	Nam	18/09/2001	16TC-Ô1	
169	16001893	Đỗ Huỳnh Minh	Hy	Nam	24/02/2000	16TC-Ô1	
170	16000200	Nguyễn Thanh Hoàng	Khải	Nam	19/06/2001	16TC-Ô1	
171	16000380	Phạm Minh	Khải	Nam	21/11/1999	16TC-Ô1	
172	16000058	Phan Hoài	Linh	Nam	30/10/1997	16TC-Ô1	
173	16000310	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	6/2/2001	16TC-Ô1	
174	16000252	Vũ	Minh	Nam	30/05/2001	16TC-Ô1	
175	16000566	Đào Sơn	Nam	Nam	14/10/1999	16TC-Ô1	
176	16000202	Lê Duy	Phát	Nam	10/1/2001	16TC-Ô1	
177	16000024	Dương Tấn Vũ	Phương	Nam	21/07/2000	16TC-Ô1	
178	16001840	Trần Duy	Quang	Nam	20/05/1998	16TC-Ô1	
179	16003448	Trần Võ Văn	Tài	Nam	29/10/2001	16TC-Ô1	
180	16000241	Hoàng Anh	Trường	Nam	4/1/2001	16TC-Ô1	
181	16001745	Lê Ngọc	Tuấn	Nam	26/11/1994	16TC-Ô1	
182	16000706	Hồ Công	Chiến	Nam	2/11/2001	16TC-QTM	
183	16000019	Huỳnh Hữu	Hiếu	Nam	7/12/2001	16TC-QTM	
184	16000047	Khổng Lê Trọng	Hiếu	Nam	20/04/2001	16TC-QTM	
185	16003894	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	11/6/1997	16TC-QTM	
186	16000322	Lý Diệu	Huy	Nam	9/7/2001	16TC-QTM	
187	16000317	Khương Thiên	Long	Nam	31/03/2000	16TC-QTM	
188	16000009	Phạm Quang	Minh	Nam	18/08/1997	16TC-QTM	
189	16003086	Thái Hoài	Nam	Nam	25/06/1999	16TC-QTM	
190	16000412	Võ Trung	Ngọc	Nam	1/10/2001	16TC-QTM	
191	16000195	Lý Trần	Phước	Nam	26/11/2001	16TC-QTM	
192	16000063	Đinh Hồng	Sơn	Nam	22/09/2001	16TC-QTM	
193	16000500	Nguyễn Văn	Sỹ	Nam	2/9/2001	16TC-QTM	

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
194	16000337	Trần Trọng Thoại	Nam	19/01/2001	16TC-QTM	
195	16000050	Đỗ Minh Triết	Nam	19/09/2001	16TC-QTM	

Tổng cộng danh sách có **195** học sinh



TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA CŨ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 11/2018**

(Kèm theo Quyết định số: 1206/QĐ-LTT-ĐT ngày 31 tháng 10 năm 2018
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
1	17003657	Nguyễn Văn Ân	Nam	19/5/1998	17T2-ĐCN1		X		
2	17000937	Nguyễn Ngọc Quý	Nam	04/02/1998	17T2-ĐCN1		X		
3	17001481	Lê Anh Tuấn	Nam	02/11/1999	17T2-ĐCN1		X		
4	17004755	Lê Anh Tuấn	Nam	08/11/1998	17T2-ĐCN1		X		
5	17000696	Nguyễn Trọng Tuấn	Nam	22/8/1995	17T2-ĐCN1		X		
6	17001199	Phạm Minh Nghĩa	Nam	27/08/1999	17T2-ĐCN1		X		
7	17003825	Trần Thanh Tâm	Nam	17/9/1999	17T2-ĐCN1		X		
8	17003798	Nguyễn Phương Nghĩa	Nam	01/01/1999	17T2-ĐCN1		X		
9	17001296	Trần Văn Sơn	Nam	04/4/1999	17T2-ĐCN1		X	X	
10	17001995	Lê Phương Bảo Ngọc	Nữ	29/9/1999	17T2-QTM1		X		
11	17004057	Nguyễn Kim Sang	Nam	12/01/1999	17T2-QTM1	X			
12	17002511	Võ Phương Uyên	Nữ	17/7/1999	17T2-QTM1		X		
13	15003401	Hồ Minh Đức	Nam	25/02/2000	15TC-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
14	15000605	Trần Tiến Lợi	Nam	23/4/2000	15TC-QTM	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
15	15001775	Nguyễn Tiến Quốc Tuấn	Nam	22/5/2000	15TC-QTM	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
16	15002538	Vũ Vòng Nhật Minh	Nam	22/10/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
17	15003032	Nguyễn Bá Lập	Nam	02/01/1998	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
18	15000220	Lê Tuấn Kiệt	Nam	09/01/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
19	15000081	Dương Hiền Vinh	Nam	21/9/2000	15TCN-ĐT	X			
20	15000108	Trương Minh Hiếu	Nam	20/12/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
21	15000212	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	13/8/2000	15TCN-ĐT		X		

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
22	15000832	Phạm Trương Thiên Phước	Nam	07/12/2000	15TCN-CKL	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
23	15000514	Trần Võ Đông Phương	Nam	12/9/2000	15TCN-CKL	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
24	15000163	Huỳnh Văn Kháng	Nam	14/9/2000	15TCN-CKL	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
25	15000771	Lê Văn Trang	Nam	06/6/2000	15TCN-CKL	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
26	15000096	Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	22/5/2000	15TCN-KTD	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
27	15000357	Nguyễn Đức Huỳnh	Nam	09/6/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
28	15000162	Lâm Vĩnh Thành	Nam	08/02/1999	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
29	15000201	Huỳnh Đức Tuấn	Nam	09/12/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐKDT
30	15000950	Nguyễn Thị Hương Nhã	Nữ	04/01/2000	15TCN-MTT		X		
31	16002255	Lê Huỳnh Bá Lộc	Nam	13/08/1998	16TCT-QTM			X	

Tổng cộng danh sách có **31** học sinh.

